

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM****NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 49/2014/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2014

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18/4/2007 và Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29/4/2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17 tháng 6 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính - Kế toán;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18/4/2007 và Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29/4/2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18/4/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

1. Khoản 1, Khoản 4 Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Chế độ này quy định về nội dung, phương pháp lập, trình bày và các nội dung khác có liên quan đến Báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, trừ quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô.

Báo cáo tài chính của các tổ chức tín dụng (sau đây gọi tắt là báo cáo tài chính) là các báo cáo được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán và các quy định của pháp luật liên quan để phản ánh các thông tin kinh tế, tài chính chủ yếu của tổ chức tín dụng. Hệ thống báo cáo tài chính bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính.”

“4. Chế độ báo cáo tài chính đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước) hướng dẫn tại một văn bản khác trên cơ sở vận dụng các quy định của Chế độ báo cáo tài chính này phù hợp với đặc thù hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô.”

2. Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Chế độ này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tổ chức tín dụng bao gồm ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi tắt là TCTD).

2. Đơn vị TCTD: Là các đơn vị trực thuộc TCTD, bao gồm: Trụ sở chính/Trụ sở (sau đây gọi chung là Trụ sở chính), Sở giao dịch trong thời gian chưa chuyển đổi thành chi nhánh theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, các chi nhánh và các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc.

3. Công ty mẹ: Là TCTD có một hay nhiều công ty con.

4. Công ty con: Là công ty thuộc một trong các trường hợp quy định tại Khoản 30 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng.

5. Công ty liên kết của TCTD: Là công ty theo quy định tại Khoản 29 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng.

6. Tập đoàn TCTD bao gồm công ty mẹ là TCTD và (các) công ty con.

7. Báo cáo tài chính của TCTD: Là báo cáo tài chính được TCTD lập trên cơ sở tổng hợp số liệu trong toàn hệ thống TCTD (bao gồm: Trụ sở chính, Sở giao dịch, các chi nhánh và các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc) để phản ánh thông tin kinh tế, tài chính của TCTD.

8. Báo cáo tài chính hợp nhất: Là báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của TCTD và báo cáo tài chính của (các) công ty con để phản ánh thông tin kinh tế, tài chính của tập đoàn TCTD.

9. Báo cáo tài chính tổng hợp: Là báo cáo tài chính được lập trên cơ sở tổng hợp số liệu của các đơn vị kế toán trong cùng loại hình/cùng nhóm TCTD hoạt động và hạch toán độc lập với nhau để phản ánh các thông tin kinh tế, tài chính tổng hợp của tất cả các đơn vị thành viên trong cùng một loại hình/một nhóm TCTD đó.

10. Báo cáo tài chính bán niên đã soát xét: Là báo cáo tài chính giữa niên độ của TCTD, báo cáo tài chính giữa niên độ hợp nhất/báo cáo tài chính giữa niên độ tổng hợp được TCTD lập vào quý II của năm tài chính và được soát xét bởi tổ chức kiểm toán độc lập được chấp thuận.

11. Báo cáo điện tử: Là báo cáo thể hiện dưới dạng tệp (file) dữ liệu điện tử được truyền qua mạng máy tính. Báo cáo điện tử phải có đầy đủ chữ ký điện tử của người đại diện theo pháp luật của TCTD và theo đúng ký hiệu, mã truyền tin, cấu trúc file theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.”

3. Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 3. Nguyên tắc lập báo cáo tài chính

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính phải tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam về trình bày báo cáo tài chính, bao gồm: Hoạt động liên tục, cơ sở dồn tích, nhất quán, trọng yếu và tập hợp, bù trừ, có thể so sánh và các yêu cầu quy định bổ sung tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam về trình bày bổ sung báo cáo tài chính của các ngân hàng và tổ chức tài chính tương tự và các quy định của pháp luật liên quan.”

4. Điểm b Khoản 1 Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“b) Trường hợp các chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 89 Luật các tổ chức tín dụng thì chi nhánh đầu mối của các chi nhánh ngân hàng nước ngoài (chi nhánh có Tổng giám đốc (Giám đốc) được ngân hàng nước ngoài ủy quyền chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam) phải tổng hợp số liệu các chi nhánh hoạt động tại Việt Nam để lập báo cáo tài chính tổng hợp theo quy định tại Mục 3 Chương II Chế độ này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu báo cáo tài chính tổng hợp.”

5. Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 7. Thời hạn nộp báo cáo tài chính

1. Báo cáo tài chính năm

a) Báo cáo tài chính năm chưa kiểm toán

- Thời hạn nộp báo cáo tài chính năm của TCTD chưa kiểm toán chậm nhất là 45 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính;

- Thời hạn nộp báo cáo tài chính năm hợp nhất chưa kiểm toán chậm nhất là 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

b) Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán

TCTD phải gửi Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán kèm theo kết quả của tổ chức kiểm toán độc lập (bao gồm: Báo cáo kiểm toán; thư quản lý và các tài liệu liên quan) chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính của TCTD.

2. Báo cáo tài chính giữa niên độ

a) Thời hạn nộp báo cáo tài chính giữa niên độ chậm nhất là ngày 30 tháng đầu tiên của quý kế tiếp;

b) Báo cáo tài chính bán niên đã soát xét

Ngoài các Báo cáo tài chính giữa niên độ theo quy định tại điểm a Khoản này, TCTD là tổ chức niêm yết, công ty đại chúng có quy mô lớn phải nộp:

- Báo cáo tài chính bán niên của TCTD đã được soát xét kèm theo toàn bộ Báo cáo soát xét Báo cáo tài chính chậm nhất là 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính;

- Báo cáo tài chính bán niên hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính bán niên tổng hợp đã được soát xét kèm theo toàn bộ Báo cáo soát xét và Báo cáo tài chính bán niên của TCTD là 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính trong trường hợp TCTD là tổ chức niêm yết, công ty đại chúng có quy mô lớn phải lập Báo cáo tài chính bán niên hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính bán niên tổng hợp.

3. Báo cáo tài chính có kỳ lập khác

Trường hợp TCTD phải lập báo cáo tài chính theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Chế độ này thì TCTD phải nộp báo cáo tài chính theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước theo từng trường hợp.

4. Nếu ngày cuối cùng của thời hạn nộp báo cáo tài chính là ngày lễ, ngày Tết hoặc ngày nghỉ cuối tuần thì ngày nộp báo cáo tài chính là ngày làm việc tiếp theo ngay sau ngày đó.”

6. Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 8. Nơi nhận báo cáo tài chính

Loại Báo cáo tài chính	Nơi nhận Báo cáo tài chính			
	Ngân hàng Nhà nước	Cơ quan tài chính	Cơ quan thuế	Cơ quan thống kê
1. Báo cáo tài chính giữa niên độ	☒	☒	☒	☒
2. Báo cáo tài chính bán niên đã soát xét	☒			
3. Báo cáo tài chính năm				
a) Báo cáo tài chính năm chưa kiểm toán	☒			
b) Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán	☒	☒	☒	☒
4. Báo cáo tài chính có kỳ lập khác	☒			

7. Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:**“Điều 9. Lập và nộp Bảng cân đối tài khoản kế toán**

1. Bảng cân đối tài khoản kế toán là báo cáo kế toán phản ánh chi tiết tình hình tài chính và hoạt động của TCTD và/hoặc đơn vị TCTD (Mẫu A01/TCTD).

2. Yêu cầu khi lập Bảng cân đối tài khoản kế toán

a) Trường hợp phát sinh các khoản thu nhập và chi phí từ các giao dịch giữa các đơn vị TCTD trong cùng hệ thống, TCTD cần phải gửi kèm bản thuyết minh về các khoản thu nhập và chi phí này khi lập và nộp Bảng cân đối tài khoản kế toán;

b) Riêng Bảng cân đối tài khoản kế toán tháng 12 (hoặc tháng cuối cùng của kỳ kế toán năm theo quy định của pháp luật), các TCTD và các đơn vị TCTD lập và gửi báo cáo khi chưa kết chuyển thu nhập, chi phí để xác định kết quả kinh doanh nhưng sau khi đã xử lý số dư các tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái, vàng bạc đá quý, chênh lệch đánh giá lại tài sản cuối năm tài chính theo chế độ hiện hành;

c) Trường hợp TCTD là công ty mẹ: Ngoài việc lập và gửi Bảng cân đối tài khoản kế toán của TCTD, khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước còn phải nộp kèm Bảng cân đối tài khoản kế toán của các công ty con;

d) Bảng cân đối tài khoản kế toán được nộp về Ngân hàng Nhà nước bằng báo cáo điện tử.

3. Thời hạn lập và nộp Bảng cân đối tài khoản kế toán

Định kỳ hàng tháng, các TCTD và các đơn vị TCTD phải lập và nộp Bảng cân đối tài khoản kế toán vào ngày 07 tháng kế tiếp.

Nếu ngày cuối cùng của thời hạn nộp Bảng cân đối tài khoản kế toán là ngày lễ, ngày Tết hoặc ngày nghỉ cuối tuần thì ngày nộp Bảng cân đối tài khoản kế toán là ngày làm việc tiếp theo ngay sau ngày đó.

4. Quy trình gửi Bảng cân đối tài khoản kế toán về Ngân hàng Nhà nước được thực hiện theo quy trình gửi Báo cáo tài chính và Bảng cân đối tài khoản kế toán quy định tại Điều 10 Chế độ này.”

8. Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:**“Điều 10. Quy trình nộp Báo cáo tài chính và Bảng cân đối tài khoản kế toán**

1. Quy trình nộp Báo cáo tài chính và Bảng cân đối tài khoản kế toán bằng báo cáo điện tử cho Ngân hàng Nhà nước

a) Ngân hàng và TCTD phi ngân hàng

a.1. Trụ sở chính TCTD mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ đặt tại các tỉnh phía Bắc, Ngân hàng hợp tác xã (*từ tỉnh Thừa Thiên Huế trở ra*) phải nối mạng truyền tin với Cục Công nghệ tin học; các TCTD mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ đặt tại các tỉnh phía Nam (*từ thành phố Đà Nẵng trở vào*)